

Bản án số: 267 /2021/HNGĐ-ST.

Ngày 12/10/2021

V/v: Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Hồng Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Mạnh Khang
2. Bà Nguyễn Thị Xuân Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sinh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiên Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 12/10/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 179/2021/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2021, về việc: “Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị NTL, sinh năm 1981;

Trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

(Có đơn xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị NTL: Bà NTL, sinh năm 1993 – Luật sư công ty luật TNHH tư vấn thu nợ DFC, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Có mặt

Bị đơn: Anh CVT, sinh năm 1975;

Trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện nguyên đơn chị NTL trình bày:

Chị và anh CVT xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/12/2005 tại Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay. Chị NTL không còn tình cảm với anh CVT và xin được ly hôn anh CVT.

Tại bản tự khai bị đơn anh CVT trình bày: Thời gian kết hôn và tình trạng vợ chồng đúng như chị NTL khai là đúng, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị NTL đi theo đạo Đức chúa trời nên mọi sinh hoạt và quan điểm sống đều thay đổi dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Anh đã tìm mọi biện pháp để khuyên nhủ chị NTL và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nay chị NTL làm đơn ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng chị NTL, anh CVT có 02 (hai) con chung là cháu CKL, sinh ngày 02/9/2006 và cháu CVT, sinh ngày 28/01/2010.

Nếu ly hôn chị NTL có nguyện vọng được nuôi cháu CKL, sinh ngày 02/9/2006, anh CVT sẽ nuôi cháu CVT, sinh ngày 28/01/2010. Chị không đề nghị anh CVT phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm nghề tự do tại xã ĐL, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, thu nhập khoảng 5.000.000đ/1 tháng. Hiện tại chị đang ở cùng mẹ đẻ chị tại xã ĐL, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Nếu sau ly hôn chị NTL được nuôi con thì mẹ chị đồng ý cho chị ở cùng và hỗ trợ chị trong việc chăm sóc cháu.

Nếu ly hôn anh CVT có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị NTL phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại anh đang kinh doanh và ở tại quán phở tại xã ĐL, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, thu nhập trung bình khoảng 35.000.000đ – 40.000.000đ/1 tháng.

Về tài sản chung: Chị NTL, anh CVT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cho chị NTL: Nhất trí với ý kiến của nguyên đơn, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

1. Về việc thực hiện thủ tục tố tụng của Tòa án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng

xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

2 Về nội dung:

Về hôn nhân : xét tình trạng nhân nhân giữa chị NTL và anh CVT đã trầm trọng , mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị NTL cho chị NTL được ly hôn anh CVT

Về con chung :

Giao cháu CKL, sinh ngày 02/09/2006 cho chị NTL trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Giao cháu CVT, sinh ngày 28/01/2010 cho anh CVT trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị NTL và anh CVT không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Tài sản chung: Chị NTL, anh CVT không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị NTL, anh CVT phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn hiện đang cư trú tại huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Căn cứ Điều 28 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về hôn nhân: Chị NTL và anh CVT có đầy đủ các điều kiện kết hôn và đã tuân thủ các thủ tục về kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị NTL và anh CVT là hợp pháp.

Chị NTL và anh CVT đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân từ đầu năm 2020, nay chị NTL, anh CVT nhất trí ly hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị NTL, anh CVT đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị NTL

2.2. Về con chung: Xét nguyện vọng xin nuôi con của chị NTL và anh CVT ,cả hai đều cung cấp được chứng cứ, tài liệu để chứng minh về thu nhập của mình, Qua xác minh tại địa phương chị NTL và anh CVT hiện đều sinh sống và buôn bán

kinh doanh tại xã ĐL, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Như vậy chị NTL và anh CVT có điều kiện như nhau trong việc trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Theo nguyện vọng của cháu CKL muốn được ở cùng với mẹ, cháu CVT muốn được ở cùng với bố nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân gia đình, giao cháu Linh cho chị NTL trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Thịnh cho anh CVT trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị NTL và anh CVT đều không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của chị NTL và anh CVT.

2.3. Về tài sản chung: Chị NTL và anh CVT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3]. Về án phí: Chị NTL phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Áp dụng: khoản 1, Điều 28; Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4 Điều 147; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và NTL phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị NTL về việc xin ly hôn anh CVT.

Chị NTL được ly hôn anh CVT.

2. Về con chung:

Giao cháu CKL, sinh ngày 02/09/2006 cho chị NTL trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Giao cháu CVT, sinh ngày 28/01/2010 cho anh CVT trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị NTL và anh CVT không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị NTL và anh CVT có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị NTL và anh CVT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị NTL phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0015099 ngày 14/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm , có mặt anh CVT , vắng mặt.chị NTL . Anh CVT có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án . Chị NTL có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt án .

Nơi nhận

- TAND thành phố Hà nội
- VKSND H Hoài đức
- Chi cục THADS Hoài đức
- UBND xã ĐL
- Sở tư pháp TP Hà nội
- Lưu hồ sơ*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Hồng Giang